

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/HH/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công Ty TNHH Hồng Hạnh.

Địa chỉ: ...Tổ 23, thôn Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa.....

Điện thoại: ...0983 389 140..... Fax:

E-mail: congtyhonghanhnt@gmail.com.....

Mã số doanh nghiệp: ...4200736651.....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/GCNATTP-SCT

Ngày Cấp/Nơi cấp: 13/01/2020 tại SỞ CÔNG THƯƠNG – KHÁNH HÒA

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:KEM HƯƠNG CHANH.....

2. Thành phần: Nước, đường kính trắng, đường mạch nha, bột sữa béo, bột sữa gầy, bột kem không sữa, maltodextrin, dextrose, bột năng, bơ thực vật, shortening, muối ăn, acid citrit (330), chất ổn định (E471, E466, E415, E412, E407), chất tạo ngọt tổng hợp (E950, E951), hương thực phẩm tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp (E143).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:12 tháng.....

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: túi nhựa thực phẩm - OPP/MCPP

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Theo tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), TCVN 7402:2019
2. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm: QCVN 8-3: 2012/BYT
3. Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
4. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm: QCVN 8-2:2011/BYT



1000



Cụ thể như sau:

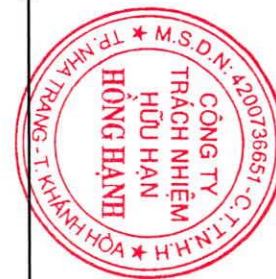
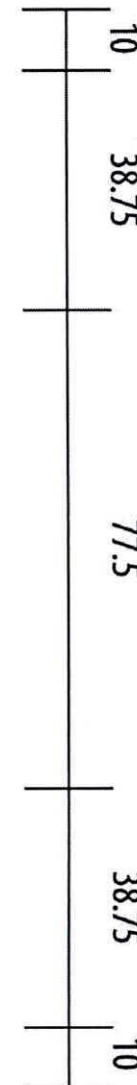
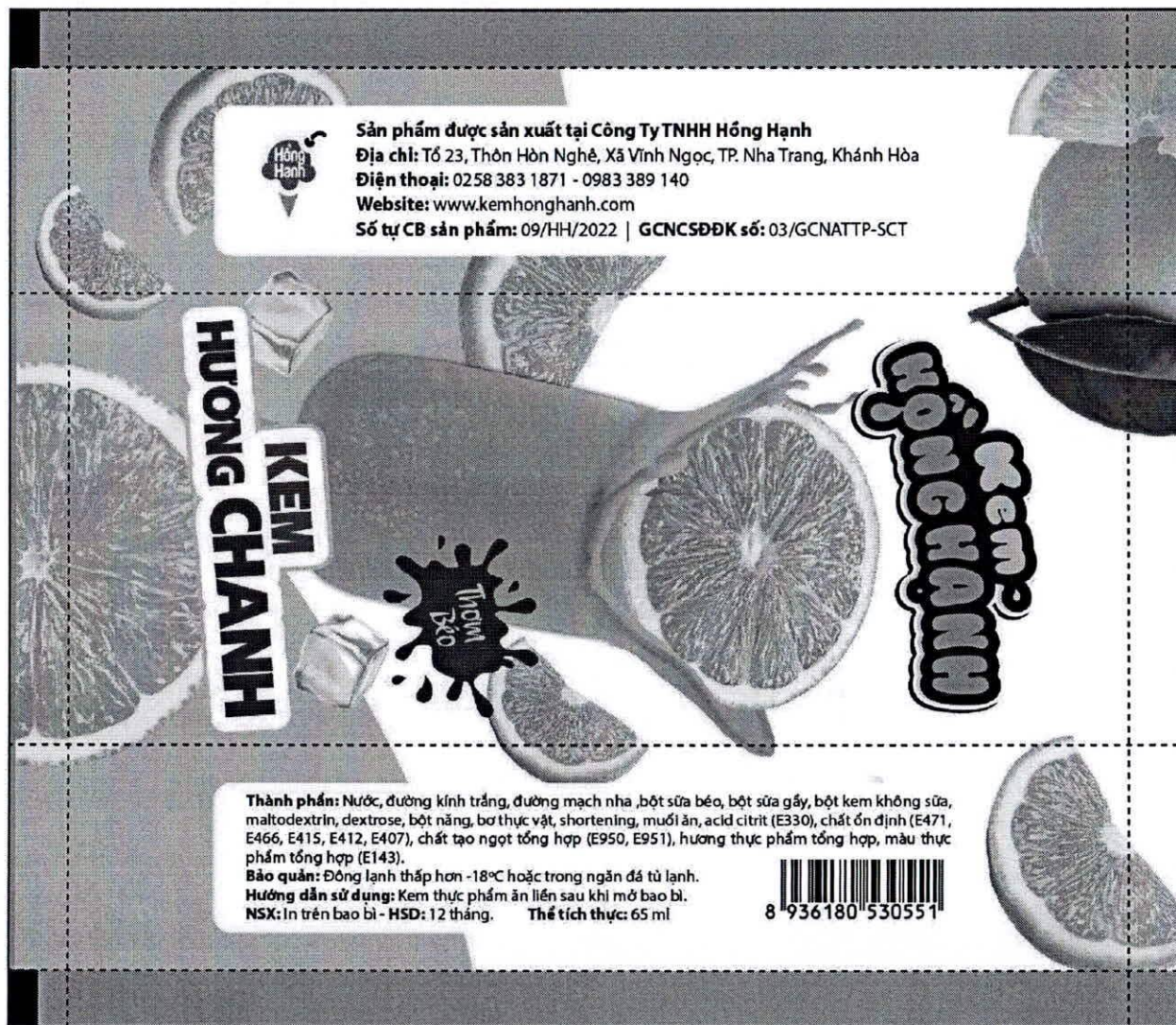
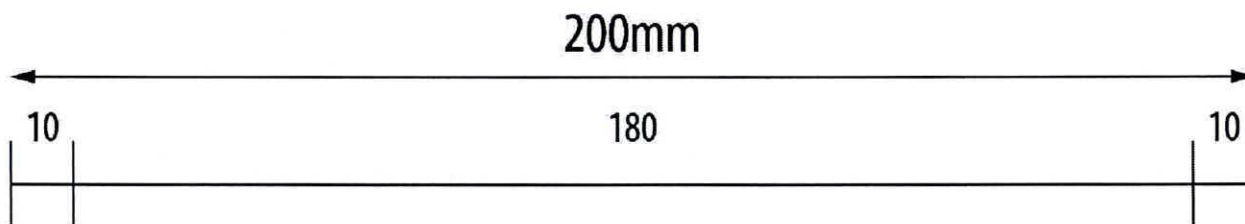
STT	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Mức quy định tối đa	Mức đăng ký chất lượng
Chỉ tiêu cảm quan: phù hợp TCCS				
1	Trạng thái		TCCS	Đồng lạnh
2	Màu sắc		TCCS	Xanh lá
3	Mùi Vị		TCCS	Béo,ngọt, thơm như hương chanh
Chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm theo QCVN: 8-3: 2012/BYT				
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	10^2	$\leq 10^2$
2	Salmonella	CFU/g	Không phát hiện	Không phát hiện
Thông tư số 24/2019/TT-BYT				
1	Mono và diglycerid của các acid béo (471)	mg/kg	GMP	≤ 3000
2	Carboxy Methyl Cellulose (466)	mg/kg	GMP	≤ 3000
3	Guar gum (412)	mg/kg	GMP	≤ 2000
4	Xathan gum (415)	mg/kg	GMP	≤ 2000
5	Caragenaan (407)	mg/kg	GMP	≤ 2000
5	Acesulfame Kali (950)	mg/kg	800	≤ 500
6	Aspartame (951)	mg/kg	1000	≤ 500
7	Acid Citrit (330)	mg/kg	GMP	≤ 5000
8	Green Fast (143)	mg/kg	100	≤ 50
9	Hương thực phẩm tổng hợp	mg/kg	TCCS	≤ 5000
Hàm lượng kim loại trong thực phẩm theo QCVN 8-2:2011/BYT				
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,02$	$<0,02$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1	<1
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	$\leq 0,5$	$<0,5$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$	$<0,05$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nhà Trang, ngày 8 tháng 7 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Minh





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN32206.08155242 MM32206.081552421	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 28/06/2022
---	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HỒNG HẠNH**
Địa chỉ/ Address : **TỔ 23 THÔN HÒN NGHÊ, XÃ VĨNH NGỌC, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**
Tên mẫu/ Name of sample : **KEM HƯƠNG CHANH**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hộp nhựa kín.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/06/2022**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **16/06/2022**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	< 10	ISO 21528-2:2017 (*)
2	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2316 - - - - - 05 SCT/BS

Ngày 16-07-2022

CÔNG CHỨNG VIÊN

Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ



Đoàn Thị Bội Hạnh

Trương Nguyên Thạch

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

CN CẦN THƠ

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

{9} 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

{9} F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

{9} STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

{4} 18001105

{4} (84.292) 3918216 - 217 - 218

{4} (84.258) 246 5255

{4} (84.28) 3911 7216

{4} (84.292) 3918219

{4} (84.258) 246 5355

{4} casehcm@case.vn

{4} support@case.com.vn, casecantho@case.vn

{4} vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN32206.08155242 MM32206.081552421	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 28/06/2022
---	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HỒNG HẠNH**
Địa chỉ/ Address : **TỔ 23 THÔN HÒN NGHÊ, XÃ VĨNH NGỌC, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**
Tên mẫu/ Name of sample : **KEM HƯƠNG CHANH**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hộp nhựa kín.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/06/2022**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **16/06/2022**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	As	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	AOAC 986.15 (*)
2	Cd	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)
3	Hg	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.TN.0141 (EPA Method 7473 Manual MA 3000 – hãng NIPPON Instruments corporation) (*)
4	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **2317-05** Quyển số: **SCT/PS**

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Ngày **16-07-2022**

CÔNG CHỨNG VIÊN

Th.S. Nguyễn Thành Duy

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRƯỞNG CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[9] 18001105

[9] (84.28) 3911 7216

[9] casehcm@case.vn

CN CÁN THỢ

[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

[9] (84.292) 3918216 - 217 - 218

[9] (84.292) 3918219

[9] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[9] (84.258) 246 5255

[9] (84.258) 246 5355

[9] vanphongmientrung@case.vn